

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11-4-2025

V/v "Tranh chấp

Ly hôn và con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quang Kim

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên.

- Đại diện VKSND thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2024 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2025 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Mai Thượng, xã Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

** Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Mai Thượng, xã Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 22/8/2024, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 28/11/2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Mai. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở thôn Mai Thượng, xã Hương Mai sinh sống. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ tháng 07/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung,

không hợp nhau. Từ tháng 07/2024 vợ chồng ly thân nhau cho đến nay, vợ chồng không còn ai quan tâm chăm sóc đến ai, chị đã về nhà mẹ đẻ tại thôn Mai Thượng, xã Hương Mai sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường Vy, sinh ngày 04/10/2015; cháu Nguyễn Thị Huyền Trang, sinh ngày 20/10/2008 và cháu Nguyễn Thành Trung, sinh ngày 19/12/2011. Hiện 03 con chung đang ở với anh T tại thôn Mai Thượng, xã Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Ly hôn chị đề nghị giao con chung cháu Vy cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cho anh T nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trang, cháu Trung. Hiện chị đang làm công nhân công ty Seongamtech khu công nghiệp Việt Tiến, có thu nhập trung bình một tháng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, thời gian làm hành chính, làm thứ bảy, được nghỉ chủ nhật có chỗ ăn ở, đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho con chung học hành phát triển bình thường. Anh T hiện cũng đi làm công việc bán lẻ mái tôn, thu nhập cụ thể chị không nắm được, anh T ở với bố mẹ có nhà đất đảm bảo điều kiện nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đối với anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh T đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh T về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị T và cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng chị T không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn T vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị T chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh T không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tường Vy, sinh ngày 04/10/2015. Giao cho anh T nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền Trang, sinh ngày 20/10/2008 và Nguyễn Thành Trung, sinh ngày 19/12/2011. Vấn đề cấp dưỡng: Chị T, anh T tự thỏa thuận không yêu cầu, không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm tại biên lai thu của Chi cục thi hành án thị xã Việt Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp ly hôn và con chung giữa chị T và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T có nơi cư trú: Thôn Mai Thượng, xã Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị T và anh T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Mai làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T, anh T có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau. Tại biên bản lấy lời khai của chị T, chị xác định hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chị ly thân nhau từ tháng 07/2024 không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh T, thông báo hòa giải anh T cũng không đến để Tòa án hòa giải về tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị T, anh T hiện không sinh sống cùng nhau. Xét mâu thuẫn giữa chị T, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Tường Vy, sinh ngày 04/10/2015; Nguyễn Thị Huyền Trang, sinh ngày 20/10/2008 và Nguyễn Thành Trung, sinh ngày 19/12/2011. Hiện 03 con chung đang ở với anh T tại thôn Mai Thượng, xã Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Ly hôn chị đề nghị giao con chung cháu Vy cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cho anh T nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trang, cháu Trung. Hiện chị đang làm công nhân công ty Seongamtech khu công nghiệp Việt Tiến, có thu nhập trung bình một tháng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, thời gian làm hành chính, làm thứ bảy, được nghỉ chủ nhật có chỗ ăn ở, đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho con chung học hành phát triển bình thường. Anh T hiện cũng đi làm công việc bán, lắp mái tôn, thu nhập cụ thể chị không nắm được, anh T ở với bố mẹ có nhà đất đảm bảo điều kiện nuôi con chung.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy: Tại bản tự khai của cháu Vy, Trang, Trung đều xác định mong muốn được ở với chị T, chị T đi làm công ty xác định đủ điều kiện để chăm sóc 01 con chung, anh T theo xác minh tại địa phương có công việc là lắp, bán mái tôn có thu nhập, các con chung đang ở với anh T phát triển bình thường, anh T có bố mẹ phụ giúp trông nom con cái nên cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng 01 con chung của chị T và giao con chung cháu Vy cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Trang, cháu Trung cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các cháu Vy, Trang, Trung. Sau khi ly hôn chị T, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T, anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T, anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tường Vy, sinh ngày 04/10/2015. Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền Trang, sinh ngày 20/10/2008 và Nguyễn Thành Trung, sinh ngày 19/12/2011. Vấn đề cấp dưỡng: Chị T, anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T, anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001323 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã Hương Mai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã Hương Mai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Vân